

Bản án số: 05/2018/KDTM-ST

Ngày 28-6-2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng nguyên tắc
mua bán dăm gỗ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Thìn.
2. Ông Đỗ Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Định - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số 34/2017/TLST-KDTM ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp “Hợp đồng nguyên tắc mua bán dăm gỗ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 6 năm 2018 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 05/2018/TB-TA ngày 12/6/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH C&P QN; địa chỉ: Khu công nghiệp V, phường V, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Xuân B – Phó quản đốc (theo văn bản ủy quyền ngày 12/4/2018). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần vận tải Đ; địa chỉ: Số 210 đường N, phường C, quận Hải An, Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc D – Giám đốc. Có mặt.

3. *Người làm chứng:* Ông Phạm Văn M. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 10 năm 2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn (sau đây gọi tắt là Công ty C&P) trình bày và đề nghị như sau:

Ngày 24/9/2015, Công ty C&P và bị đơn (sau đây gọi tắt là Công Ty Đ) ký kết hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán dăm gỗ số 24.09/2015/CPQN. Cụ thể hàng hóa mua bán là dăm gỗ Tràm Keo theo quy cách phẩm chất được thống nhất, hợp đồng ký kết hoàn toàn tự nguyện và đúng với quy định của pháp luật.

Thực hiện hợp đồng, ngày 12/10/2015 nguyên đơn đã chuyển khoản cho bị đơn số tiền 500.000.000 đồng là tiền ứng trước để mua dăm gỗ. Bị đơn đã nhận được số tiền này nhưng không thực hiện nghĩa vụ là chuyển dăm gỗ theo hợp đồng cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc nhưng bị đơn không thực hiện việc bán hàng hóa cho nguyên đơn cũng như không thanh toán lại số tiền đã nhận. Vi phạm điều 3.3 đã ký kết trong hợp đồng.

Công ty C&P yêu cầu Công ty Đ phải trả ngay số tiền 556.704.201 đồng, bao gồm tiền nợ gốc và tiền lãi tính từ. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn chưa trả cho nguyên đơn số tiền trên thì hàng tháng bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất 5,3%/năm tương ứng với thời gian chậm trả trên số tiền nợ gốc thực tế còn lại chưa trả.

Tại bản tự khai ngày 05/4/2018, các phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là Công ty Đ trình bày:

Công ty Đ thống nhất với lời trình bày của Công ty C&P về thời điểm ký kết, giá trị của hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán dăm gỗ giữa hai công ty với nhau. Công ty Đ cũng đã nhận được số tiền 500.000.000 do Công ty C&P chuyển khoản đến.

Tuy nhiên, hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán dăm gỗ giữa hai công ty có hai khoản tiền là tiền mua dăm gỗ và tiền ứng trước của nguyên đơn cho bị đơn để xây dựng hạ tầng cơ sở phục vụ cho việc mua bán dăm gỗ. Theo Điều 3.2 của hợp đồng, tiền mua dăm gỗ được thanh toán khi mua bán trên thực tế, còn tiền ứng trước là để xây dựng cơ sở hạ tầng bến bãi. Do vậy, số tiền 500.000.000 đồng mà bị đơn nhận chuyển khoản của nguyên đơn là tiền nguyên đơn ứng trước để bị đơn xây dựng cơ sở hạ tầng. Trên thực tế, bị đơn đã sử dụng số tiền này đúng mục đích theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Sau đó bị đơn đã thông báo cho nguyên đơn ứng tiền để chuyển dăm gỗ nhưng nguyên đơn không ứng nên bị đơn không chuyển dăm gỗ cho nguyên đơn.

Nguyên đơn đã không thực hiện đúng nội dung trong hợp đồng nguyên tắc nên bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Bị đơn không chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền 556.704.201 đồng. Nếu nguyên đơn muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán dăm gỗ giữa hai bên thì phải chuyển tiền để bị đơn thu mua dăm gỗ bán cho nguyên đơn vì hợp đồng vẫn còn hiệu lực thi hành.

Tại biên bản làm việc ngày 26/3/2018 và tại các biên bản hòa giải, người làm chứng là ông Phạm Văn M trình bày:

Sự việc ngày 24/9/2015, Công ty C&P và Công ty Đ ký kết hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán dăm gỗ số 24.09/2015/CPQN là đúng sự thật. Chính ông là người được ủy quyền của ông Trần Ngọc D, đại diện cho Công ty ký kết hợp đồng này.

Ông M cũng xác nhận Công ty Đ đã nhận được số tiền 500.000.000 đồng do Công ty C&P chuyển khoản đến, ông đồng tình với quan điểm của bị đơn, cho rằng số tiền 500.000.000 do nguyên đơn chuyển khoản cho bị đơn không phải là tiền ứng mua dăm gỗ mà là tiền ứng trước để bị đơn xây dựng bến bãi phục vụ cho việc thu mua và bán dăm gỗ như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nên quan điểm của ông yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn C&P, buộc Công ty Cổ phần vận tải Đ phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C&P tổng số tiền là 556.704.201 đồng trong đó nợ gốc là 500.000.000.

Tuyên các vấn đề về án phí, quyền kháng cáo đối với các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Kinh doanh Thương mại, tranh chấp về hợp đồng nguyên tắc mua bán, bị đơn là Công ty Đ có địa chỉ trụ sở theo đăng ký kinh doanh tại số 210 đường N, phường C, quận Hải An, Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng:

[1] Tòa án nhân dân quận Hải An, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, Kiểm sát viên trong quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập tài liệu chứng cứ, xét xử công khai đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng với quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự:

[1] Nguyên đơn và bị đơn đều đã chấp hành nghiêm, đầy đủ các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

[2] Người làm chứng đã nhận được thông báo để có mặt tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn, bị đơn và kiểm sát viên đều cho rằng người làm chứng đã có ý kiến bằng văn bản trong quá trình giải quyết nên đều không đề nghị hoãn phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng theo khoản 2, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Ngày 24/9/2015 Công ty C&P và Công ty Đ ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán dăm gỗ số 24.09/2015/CPQNI trên cơ sở tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật. Do vậy, hợp đồng nguyên tắc mua bán dăm gỗ số 24.09/2015/CPQNI ngày 24/9/2018 giữa hai bên có hiệu lực pháp lý ràng buộc để thi hành.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng đều thừa nhận, sau khi hợp đồng được ký kết, nguyên đơn đã chuyển khoản cho bị đơn số tiền 500.000.000đồng.

[3] Quan điểm của nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng đã chuyển cho bị đơn là tiền ứng trước để mua dăm gỗ đã đáp ứng theo Điều 3.3 trong hợp đồng nguyên tắc.

[4] Việc bị đơn và người làm chứng cho rằng số tiền 500.000.000 đồng là tiền ứng để xây dựng bến bãi, trên thực tế sau khi ký kết hợp đồng phía bị đơn không có bất kỳ thông báo nào cho nguyên đơn về việc đầu tư xây dựng bến bãi cũng như giao tài sản thế chấp hay giấy tờ để chứng minh sở hữu tài sản thế chấp nên nguyên đơn không có nghĩa vụ phải ứng tiền cho bị đơn để xây dựng bến bãi. Tại phiên tòa bị đơn không đưa ra thêm được tài liệu nào khác để chứng minh và cũng thừa nhận giữa nguyên đơn và bị đơn chưa từng ký kết hợp đồng thế chấp nào khác.

[5] Người làm chứng trong vụ án là ông Phạm Văn M cho rằng: Ông là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần VIBA V. Do bị đơn không có tài sản thế chấp cho nguyên đơn nên ngày 25/9/2015, ông đã ký công văn số 16/2015/CV-VB gửi cho nguyên đơn với nội dung Công ty Cổ phần VIBA V tự nguyện dùng tài sản của mình để bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty Đ. Tuy nhiên, giữa Công ty Đ, Công ty Cổ phần VIBA V và Công ty C&P không ký kết bất cứ hợp đồng nào về việc bảo lãnh.

[6] Như vậy, bị đơn sau khi nhận được tiền ứng mua dăm gỗ của nguyên đơn nhưng không thực hiện việc giao dăm gỗ với lý do nguyên đơn mới chỉ chuyển tiền để ứng cho việc đầu tư xây dựng bến bãi, chưa ứng tiền để mua dăm gỗ là không có cơ sở và đã vi phạm nghĩa vụ theo Điều tại Hợp đồng Nguyên tắc đã ký kết. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ như đã ký kết tại Hợp đồng Nguyên tắc

nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ vi phạm theo hợp đồng.

[7] Tại Điều trong Hợp đồng nguyên tắc quy định “Nếu bên B không thực hiện đúng nghĩa vụ giao hàng như đã thỏa thuận thì còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền bên A đã ứng với mức lãi suất 5,3%/năm”. Xét mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tại thời điểm ký kết và thời điểm xét xử là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Yêu cầu tính lãi của nguyên đơn từ ngày 13/11/2015 đến ngày 01/10/2017 là có căn cứ chấp nhận.

[8] Buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn tổng số tiền là 556.704.201 đồng; trong đó số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 13/11/2015 đến 01/10/2017 là 56.704.201 đồng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn tiếp tục phải trả lãi theo mức lãi suất đã ký kết trong hợp đồng nguyên tắc đối với số tiền nợ gốc chưa trả, tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 30; khoản 3, Điều 144, khoản 1, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3, Điều 7; khoản 1, Điều 34; Điều 306 của Luật Thương mại.

Áp dụng khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty Cổ phần vận tải Đ phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C&P tổng số tiền là 556.704.201đ (Năm trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn hai trăm linh một đồng); trong đó số tiền nợ gốc là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và số tiền lãi tính từ ngày 13/11/2015 đến 01/10/2017 là 56.704.201đ (Năm mươi sáu triệu bảy trăm linh bốn nghìn hai trăm linh một đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn chưa trả cho nguyên đơn số tiền trên thì hàng tháng bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất 5,3%/năm được quy định trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả trên số tiền gốc còn lại cho đến khi thanh toán xong.

Về án phí:

- Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C&P Q 14.032.000đ (Mười bốn triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí số 0006674 ngày 23 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An.

- Công ty Cổ phần vận tải Đ phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 26.268.168đ (Hai mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn một trăm sáu mươi tám đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND quận Hải An;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Cường